TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PRÔNG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 87/2019/QĐST- HNGĐ	*Chư Prông, ngày 17 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 156/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H**,** sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Làng N, xã B, huyện CPr, tỉnh G.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Làng D, xã B, huyện CPr, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Hữu S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị H và anh S nhất trí thỏa thuận như sau:

Giao con chung tên Nguyễn Hữu Tấn P, sinh ngày 10/3/2012 cho anh Nguyễn Hữu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày 09/9/2019 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh S tự nguyện thỏa thuận chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của các cá nhân, tổ chức

theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* thuận tình ly hôn các đương sự phải nộp 50% mức án phí quy định là 300.000đ x 50% = 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị H phải chịu 75.000đ; anh S phải chịu 75.000đ.

Chị Lê Thị H tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Cả phần của anh S) nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp án phí trước đây là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000357 ngày 10/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CPr, tỉnh G. Hoàn trả cho chị Lê Thị H số tiền còn dư là 150.000 đồng.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Ngô Trung Thực

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND xã D;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.